

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 1 NĂM 2017

HẢI PHÒNG - NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99,589,814,222	106,258,337,330
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	39,625,198,211	43,448,521,804
1. Tiền	111		12,325,198,211	17,348,521,804
2. Các khoản tương đương tiền	112		27,300,000,000	26,100,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,725,400,000	8,725,400,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	967,760,500	967,760,500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	(642,360,500)	(642,360,500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	4,400,000,000	8,400,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51,687,441,909	48,928,804,300
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	44,568,500,362	46,502,636,921
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7,171,381,505	2,652,551,600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3,238,893,624	3,064,949,361
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3,291,333,582)	(3,291,333,582)
IV. Hàng tồn kho	140		2,599,637,613	4,269,407,421
1. Hàng tồn kho	141	V.6	2,599,637,613	4,269,407,421
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		952,136,489	886,203,805
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	382,342,413	321,354,832
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	49,459,278
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		569,794,076	515,389,695
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133,656,967,301	135,939,324,752
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33,306,202,022	33,863,030,708
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		31,265,693,304	31,472,266,332
2. Phải thu dài hạn khác	216		2,040,508,718	2,390,764,376
II. Tài sản cố định	220	V.14	26,920,456,329	28,284,473,536
1. Tài sản cố định hữu hình	221		26,920,456,329	28,284,473,536
- Nguyên giá	222		117,094,730,093	117,235,150,343
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90,174,273,764)	(88,950,676,807)
2. Tài sản cố định vô hình	227		0	
- Nguyên giá	228		0	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		49,585,889,826	49,573,783,826
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	49,585,889,826	49,573,783,826
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17,994,721,833	17,994,721,833
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.3	5,400,000,000	5,400,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.3	33,594,424,002	33,594,424,002
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.3	(20,999,702,169)	(20,999,702,169)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5,849,697,291	6,223,314,849
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	5,849,697,291	6,100,717,734
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	268		0	122,597,115
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		233,246,781,523	242,197,662,082

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		78,796,759,291	88,253,131,243
I. Nợ ngắn hạn	310		26,260,436,852	35,809,147,017
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	17,382,812,270	22,258,858,718
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		370,659,659	50,480,475
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2,815,431,698	2,052,054,368
4. Phải trả người lao động	314		0	2,797,939,551
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	1,957,950,895	3,751,120,107
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	0	
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	3,945,694,058	4,898,693,798
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	(212,111,728)	
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		0	
II. Nợ dài hạn	330		52,536,322,439	52,443,984,226
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	52,536,322,439	52,443,984,226
2. Doanh thu chưa thực hiện	338			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154,450,022,232	153,944,530,839
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	154,450,022,232	153,944,530,839
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90,000,000,000	90,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20,000,000,000	20,000,000,000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20,000)	(20,000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		16,830,983,651	16,830,983,651
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27,619,058,581	27,113,567,188
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25,838,365,188	26,574,405,212
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,780,693,393	539,161,976
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		233,246,781,523	242,197,662,082

Hải phòng, ngày 28 tháng 4 năm 2017

Lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thu Hà

Đặng Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay Q1/2017	Năm trước Q1/2016	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3			6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	54,727,047,841	55,409,010,140	54,727,047,841	55,409,010,140
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	VI.1	54,727,047,841	55,409,010,140	54,727,047,841	55,409,010,140
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50,991,326,133	48,496,979,864	50,991,326,133	48,496,979,864
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3,735,721,708	6,912,030,276	3,735,721,708	6,912,030,276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	906,439,048	226,278,855	906,439,048	226,278,855
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	40,992,012	34,670,862	40,992,012	34,670,862
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		0	0		0
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	150,800,273	14,145,455	150,800,273	14,145,455
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2,594,765,543	2,247,495,577	2,594,765,543	2,247,495,577
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		1,855,602,928	4,841,997,237	1,855,602,928	4,841,997,237
11. Thu nhập khác	31	VI.7	355,175,840	488,137,976	355,175,840	488,137,976
12. Chi phí khác	32	VI.8	146,912,027	463,711,719	146,912,027	487,000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40		208,263,813	24,426,257	208,263,813	487,650,976
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2,063,866,741	4,866,423,494	2,063,866,741	4,866,423,494
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		283,173,348	1,037,654,867	283,173,348	1,037,654,867
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			0		0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 -51 -52)	60		1,780,693,393	3,828,768,627	1,780,693,393	3,828,768,627
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9			198	425

Hải phòng, ngày 28 tháng 4 năm 2017

Lập biểu

Bùi Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Đâu Anh Dũng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2017	Quý 1/2016
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		61,941,120,483	60,430,855,259
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(56,784,533,168)	(41,758,447,312)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9,517,404,400)	(10,339,886,547)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	(2,800,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15,058,652,853	14,792,602,238
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14,097,917,277)	(18,706,172,188)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(3,400,081,509)	1,618,951,450
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	24			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,000,000,000)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		158,400,000	116,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	4,200,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		885,605,846	238,018,164
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		44,005,846	358,218,164
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(500,000,000)	(1,988,605,860)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(500,000,000)	(1,988,605,860)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 40+ 30 + 20)	50		(3,856,075,663)	(11,436,246)

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		43,448,521,804	38,635,046,676
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		32,752,070	20,713,533
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		39,625,198,211	38,644,323,963

Hải phòng, ngày 25 tháng 4 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Thu Hà

Đậu Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng; kinh doanh nhà; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Đóng tàu, cấu kiện nổi; Đại lý, môi giới, đấu giá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất xe có động cơ; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bốc xếp hàng hoá.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại TP. Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại tỉnh Quảng Ninh;
- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại TP. Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”) được dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính này được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện .

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam; Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang đồng Việt Nam.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các nghiệp vụ kinh tế phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh: Bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

kiếm lời) có thể bao gồm cả công cụ tài chính không được chứng khoán hóa như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo, như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác.

c. Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Công ty liên kết là Công ty mà Công ty mẹ ảnh hưởng đáng kể mà không phải hình thức Công ty con hay công ty liên doanh (Thông thường là các công ty mà công ty mẹ sở hữu từ 20 đến 50% quyền biểu quyết)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở thông báo phân phối lợi nhuận từ các công ty này.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

f. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc mức dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm Chi phí mua, chế biến và các chi phí khác nếu có để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	03 – 07

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng bãi container, và các chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất trả trước một lần cho nhiều năm được phân bổ theo thời hạn thuê đất.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện giá gốc trên báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của cổ đông
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu tài chính: Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ và được hạch toán trong kỳ báo cáo đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

tạm thời giữa kế toán và thuế, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối quý	Đầu năm
Tiền mặt	997.209.270	1.183.832.066
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.327.988.941	16.164.689.738
Các khoản tương đương tiền	27.300.000.000	26.100.000.000
Cộng	39.625.198.211	43.448.521.804

2. Các khoản đầu tư tài chính**2.1. Chứng khoán kinh doanh**

	Cuối quý	Đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	967.760.500	967.760.500
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-642.360.500	-642.360.500
Cộng	325.400.000	325.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chi tiết chứng khoán kinh doanh

Cổ phiếu	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
Công ty CP vận tải biển Vinaship (VNA)	15.000	272.760.500	247.560.500	272.760.500
Công ty CP vận tải biển Việt Nam (VOS)	10.000	195.000.000	184.800.000	195.000.000
Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam	50.000	500.000.000	210.000.000	500.000.000
Cộng		967.760.500	642.360.500	967.760.500

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	4.400.000.000	4.400.000.000	8.400.000.000	8.400.000.000
Cộng	4.400.000.000	4.400.000.000	8.400.000.000	8.400.000.000

2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu (*)	5.400.000.000	0	5.400.000.000	0
Đầu tư vào đơn vị khác Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines	33.594.424.002	-20.999.702.169	33.594.424.002	-20.999.702.169

(*) Công ty góp vốn vào Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu với tỷ lệ vốn góp là 24.11% vốn điều lệ.

(*) Công ty góp vốn vào Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines với tỷ lệ vốn góp là 11.35% vốn điều lệ.

3. Phải thu khách hàng

	Cuối quý	Đầu năm
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	44.568.500.362	38.777.742.161
Công ty TNHH Cảng Phước Long	4.751.425.962	5.012.185.994
Công ty Toyota Việt Nam	4.670.212.140	3.740.427.130
Các khoản phải thu khách hàng khác	35.146.862.260	30.025.129.037
b. Các khoản phải thu dài hạn khác	2.040.508.718	2.390.764.376
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.164.869.575	1.164.869.575
Phải thu từ Công ty CP nội thất trang trí Hiệp Hòa Phát	875.639.143	1.576.150.459
c. Trả trước cho người bán dài hạn	31.265.693.304	31.472.266.332

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

Công ty CP địa ốc 10	30.886.813.597	30.886.813.597
Công ty TNHH MTV san lấp mặt bằng Long Bình	335.000.000	440.000.000
Công ty CP xây dựng công trình giao thông 710	43.879.707	145.452.735

4. Phải thu khác

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn	3.238.893.624	3.064.949.361
Phải thu về tiền lãi Ngân hàng	33.920.000	263.157.500
Phải thu người lao động	1.370.624.090	887.063.594
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	95.850.000	366.200.000
Các khoản chi hộ	325.984.449	850.955.662
Các khoản phải thu khác	1.412.515.085	697.572.605
b. Dài hạn		

5. Nợ xấu

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	3.503.358.197		3.503.358.197	
Công ty CP vận tải container Đông Đô – Cảng Hải Phòng	1.861.053.069		1.861.053.069	
Công ty CP đường sắt phía Nam	965.489.991	138.390.000	965.489.991	138.390.000
Công ty CP nhựa Tân Hóa	262.027.503		262.027.503	
Các khách hàng khác	417.787.634	73.634.615	417.787.634	73.634.615

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

6. Hàng tồn kho

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.929.272.972		2.361.708.995	
Hàng hóa	221.135.106		282.832.097	
CP SXKD dở dang	0		1.624.866.329	
Hàng đi trên đường	404.352.000			
Hàng gửi bán	44.877.535			
Cộng	2.599.637.613		4.269.407.421	

7. Tài sản dở dang dài hạn

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn				
Cộng			0	
b. Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình (*)	31.487.623.952		31.475.517.952	
Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Long A	9.827.516.623		9.827.516.623	
Bãi container Đình Vũ	122.545.455		122.545.455	
Văn phòng làm việc phía Nam	8.148.203.796		8.148.203.796	
Cộng	49.585.889.826		49.573.783.826	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	65.430.189.093	23.891.263.328	24.387.565.094	336.674.853	3.189.457.975	117.235.150.343
Mua trong năm					140.420.250	140.420.250
Thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác						
Số cuối kỳ	65.430.189.093	23.891.263.328	24.387.565.094	336.674.853	3.049.037.725	117.094.730.093
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	50.357.485.614	23.215.169.415	13.405.609.341	299.174.853	1.673.237.584	88.950.676.807
Khấu hao trong năm	473.154.490	270.036.333	469.452.919	4.687.500	112.175.359	1.329.506.601
Thanh lý, nhượng bán					105.909.644	105.909.644
Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	50.830.640.104	23.485.205.748	13.875.062.260	303.862.353	1.679.503.299	90.174.273.764
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	15.072.703.479	676.093.913	10.981.955.753	37.500.000	1.516.220.391	28.284.473.536
Số cuối năm	14.599.548.989	406.057.580	10.512.502.834	32.812.500	1.369.534.426	26.920.456.329

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

9. Chi phí trả trước

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn	382.342.413	321.354.832
Hoạt động vận tải	323.135.599	293.770.752
Hoạt động khai thác bãi	59.206.814	27.584.080
b. Dài hạn	5.849.697.291	6.100.717.734
Giá trị quyền sử dụng đất (*)	4.454.018.062	4.476.898.301
Sửa chữa lớn TSCĐ	476.603.169	1.105.744.639
Khác	919.076.060	518.074.794

(*) là tiền thuê đất trả trước một lần tại số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng. Diện tích 376,7 m², thời gian thuê đất là 50 năm.

10. Phải trả người bán

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	17.382.812.270		22.258.858.718	
Công ty TNHH khai thác container Việt Nam	7.584.802.667		8.200.923.500	
Doanh nghiệp tư nhân Phương Sơn	1.944.786.500		3.050.374.000	
Doanh nghiệp tư nhân Hải Giang	495.807.750		1.161.187.500	
Phải trả đối tượng khác	7.357.415.353		9.846.373.718	
b. Phải trả người bán dài hạn				

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong quý	Số đã nộp	Số cuối quý
a. Phải nộp	2.052.054.368	12.935.248.281	12.171.870.951	2.815.431.698
Thuế GTGT hàng bán nội địa	606.268.313	11.173.536.473	11.315.771.066	464.033.720
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Thuế thu nhập cá nhân	88.166.778	272.854.953	309.316.675	51.705.056
Thuế đất, tiền thuê đất	1.301.352.656	1.310.905.164	390.567.000	2.221.690.820
Thuế nhà thầu				
Các loại thuế khác	56.266.621	177.951.691	156.216.210	78.002.102
b. Phải thu	515.389.695	15.389.695	230.370.309	569.794.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp	500.000.000	160.576.233		339.423.767
Thuế thu nhập cá nhân	15.389.695	15.389.695	20.937.309	20.937.309
Tiền thuê đất			209.433.000	209.433.000

12. Chi phí phải trả

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn	1.957.950.895	3.751.120.107
Chi phí khai thác bãi	1.569.425.801	2.777.350.746
Chi phí phải trả hoạt động giao nhận	0	147.248.973
Chi phí phải trả hoạt động vận tải	129.102.103	469.987.393
Chi phí phải trả hoạt động cấp dầu	210.381.819	57.475.255
Chi phí phải trả khác	49.041.172	299.057.740
b. Dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

13. Phải trả khác

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn	3.945.694.058	4.898.693.798
Kinh phí công đoàn	327.072.122	257.266.032
Tiền cổ tức phải trả	2.754.000.000	3.254.000.000
Thù lao HĐQT	0	230.000.000
Tiền lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả		
Cty An Phát	602.087.070	670.710.534
Tiền lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả		
Cty CP kho vận Miền Nam	154.586.597	417.372.317
Phải trả, phải nộp khác	107.948.269	69.344.915
b. Dài hạn	52.536.322.439	52.443.984.226
Ký quỹ, ký cược dài hạn	697.000.000	697.000.000
Khoản góp vốn của CBCNV thực hiện dự án		
Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình (*)	43.977.775.000	43.977.775.000
Lãi tiền gửi dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước		
Bình	7.861.547.439	7.769.209.226

(*) Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình là dự án được hình thành từ nguồn vốn đóng góp của cán bộ nhân viên Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

14. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	12.315.446.218	43.433.746.602	165.749.172.820
Lợi nhuận thuần trong năm					539.161.976	539.161.976
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển				4.515.537.433	-4.515.537.433	
Phân bổ vào quỹ phúc lợi					-1.543.806.357	-1.543.806.357
Chi cổ tức năm 2015 (12% VĐL)					-10.799.997.600	-10.799.997.600
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.830.983.651	27.113.567.188	153.944.530.839
Lợi nhuận thuần trong năm					1.780.693.393	1.780.693.393
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển						
Phân bổ vào quỹ phúc lợi						
Khác						
Số dư cuối kỳ này	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.830.983.651	-1.275.202.000	-1.275.202.000
					27.619.058.581	154.450.022.232

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

b. Chi tiết đầu tư của Vốn chủ sở hữu

	Cuối quý	Đầu năm
Vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	45.900.000.000	45.900.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	44.100.000.000	44.100.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	0	0

d. Cổ phiếu

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.000.000</i>	<i>9.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2	2
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2</i>	<i>2</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.999.998	8.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.999.998</i>	<i>8.999.998</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ		
Cộng	8.999.998	8.999.998

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Q1/2017	Q1/2016
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá	13.778.500.121	8.084.106.162
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.948.547.720	47.324.903.978
Cộng	54.727.047.841	55.409.010.140

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. Giá vốn hàng bán

	Q1/2017	Q1/2016
Giá vốn hàng hoá đã bán	11.354.407.077	7.861.203.350
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.636.919.056	40.755.586.973
Cộng	50.991.326.133	48.646.790.323

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Q1/2017	Q1/2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	204.438.952	188.189.274
Cổ tức, lợi nhuận được chia	648.000.000	0
Lãi chênh lệch tỷ giá	45.007.161	28.213.101
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.000.000	9.786.480
Cộng	906.446.113	226.188.855

5. Chi phí tài chính

	Q1/2017	Q1/2016
Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.989.233	34.656.345
Chi phí tài chính khác	9.844	14.517
Cộng	40.999.077	34.670.862

6. Thu nhập khác

	Q1/2017	Q1/2016
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	52.000.000	152.872.727
Thu nhập kinh doanh năm trước ghi sót	0	297.309.118
Các khoản khác	337.686.446	37.956.131
Cộng	389.686.446	488.137.976

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Q1/2017	Q1/2016
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	2.594.765.543	2.247.495.577
Chi phí nhân viên quản lý	952.598.418	132.750.094
Chi phí đồ dùng văn phòng	96.490.754	38.094.500
Chi phí bằng tiền khác	697.767.813	1.399.473.345

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chi phí dịch vụ mua ngoài		329.524.756
Chi phí khác	847.908.558	347.652.882
b. Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	150.800.273	14.145.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.800.273	14.145.455

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Q1/2017	Q1/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.170.771.530	1.803.431.890
Chi phí nhân công	5.211.777.008	7.868.119.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.206.984.427	1.416.142.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.401.793.168	37.559.096.567
Cộng	50.991.326.133	48.646.790.323

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	1.037.654.867
Lợi ích thuế thu nhập DN hoãn lại	-65.427.415	0

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai;
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng;
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ;
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Năm nay	Năm trước
Chi cổ tức năm	2.754.000.000	5.508.000.000
Cộng	2.754.000.000	5.508.000.000

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, công nợ với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cuối quý	Đầu năm
Cổ tức phải trả	2.754.000.000	3.254.000.000
Cộng		

4. Những thông tin khác

Hải Phòng, ngày 28 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu

Bùi Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Đâu Anh Dũng

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dũng